

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 – 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Số 68 Đường Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Bà Phạm Thúy An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Đặng Hoàng Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Ngọc Điền	Trưởng Ban
Bà Đặng Thị Kim Nguyệt	Thành viên
Bà Trần Ngọc Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tốn	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trúc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Trong năm 2017, Công ty có phát sinh sự kiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Vận tải & Khai thác Khoáng sản Hoàng Long vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính này. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Bộ Tài chính có hiệu lực ngày 01/08/2017 về quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Khai mạc và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



Nguyễn Quốc Đạo
Tổng Giám Đốc

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ Phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long được thực hiện kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		604.979.360.566	463.593.454.687
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	409.115.925	713.654.085
Tiền	111		409.115.925	713.654.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		577.265.658.745	435.899.189.588
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	86.178.606.455	35.657.093.177
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	221.616.949	7.954.567.999
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	430.326.600.057	348.866.553.801
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	70.322.103.740	61.322.639.023
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(9.783.268.456)	(17.901.664.412)
Hàng tồn kho	140	11	27.208.829.741	26.980.611.014
Hàng tồn kho	141		27.208.829.741	26.980.611.014
Tài sản ngắn hạn khác	150		95.756.155	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.622.199	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	50.133.956	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		555.148.363.054	639.274.482.303
Các khoản phải thu dài hạn	210	8	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		80.000.000.000	80.000.000.000
Tài sản cố định	220		3.474.867.466	4.079.268.558
Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.474.867.466	4.079.268.558
- Nguyên giá	222		5.564.290.028	5.755.480.723
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.089.422.562)	(1.676.212.165)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.102.795	1.220.977
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		22.102.795	1.220.977
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	449.462.411.115	515.334.017.382
Đầu tư vào công ty con	251		360.566.279.000	445.566.279.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		133.125.000.000	133.125.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(44.228.867.885)	(63.357.261.618)
Tài sản dài hạn khác	260		22.188.981.678	39.859.975.386
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.150.144.255	3.171.113.189
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	19.038.837.423	36.688.862.197
TỔNG TÀI SẢN	270		1.160.127.723.620	1.102.867.936.990

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		569.208.448.660	629.601.127.831
Nợ ngắn hạn	310		281.791.551.045	313.391.247.706
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	65.882.668.559	58.677.941.999
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.870.629.636	5.071.114.786
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	822.545.638	2.036.139.190
Phải trả người lao động	314		757.830.872	651.192.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	240.774.189	386.177.226
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		170.000.000	170.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	36.422.806.715	54.245.260.717
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	156.044.803.536	176.067.388.153
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.579.491.900	16.086.032.639
Nợ dài hạn	330		287.416.897.615	316.209.880.125
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	7.851.274.545	7.851.274.545
Chi phí phải trả dài hạn	333	19	17.231.895.670	17.231.895.670
Phải trả dài hạn khác	337	20	255.000.000	255.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	262.078.727.400	290.871.709.910
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		590.919.274.960	473.266.809.159
Vốn chủ sở hữu	410	22	590.919.274.960	473.266.809.159
Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
Cổ phiếu quỹ	415		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		36.479.743.076	36.479.743.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.185.681.884	533.216.083
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		530.516.083	(110.785.077.775)
- LNST chưa phân phối năm này	421b		117.655.165.801	111.318.293.858
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.160.127.723.620	1.102.867.936.990

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trúc

Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	664.834.284.690	672.056.309.854
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	786.500.000	410.400.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		664.047.784.690	671.645.909.854
Giá vốn hàng bán	11	26	590.300.696.737	564.363.368.177
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.747.087.953	107.282.541.677
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	86.919.088.897	50.885.840.456
Chi phí tài chính	22	28	25.797.902.620	18.733.270.969
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.932.599.824	27.426.747.108
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	(1.606.122.179)	4.708.146.583
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.474.396.409	134.726.964.581
Thu nhập khác	31	30	158.970.228	257.564.893
Chi phí khác	32	31	1.328.176.062	1.146.383.844
Lợi nhuận khác	40		(1.169.205.834)	(888.818.951)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.305.190.575	133.838.145.630
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	17.650.024.774	22.519.851.772
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		117.655.165.801	111.318.293.858

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	135.305.190.575	133.838.145.630
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	604.401.092	886.270.336
Các khoản dự phòng	03	(27.246.789.689)	(17.242.229.406)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(683.019.432)	6.350.045.437
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(64.190.983.220)	(49.983.057.388)
Chi phí lãi vay	06	22.932.599.824	27.426.747.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.721.399.150	101.275.921.717
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(460.664.820.109)	255.991.026.163
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(249.100.545)	630.041.159
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.376.761.698)	(35.375.767.469)
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12	20.968.934	79.842.168
Tiền lãi vay đã trả	14	(41.901.036.840)	(31.286.366.301)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(39.990.739)	(44.330.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(446.489.341.847)	291.270.367.152
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	20.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(329.832.186.140)	(305.821.809.092)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	246.972.139.884	134.625.839.463
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(37.960.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.293.798	45.210.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.073.136.923	23.082.711.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.779.615.535)	(120.863.257.966)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		606.525.566.242	764.709.190.979
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(154.558.314.577)	(934.998.620.059)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		451.964.551.665	(170.289.429.080)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(304.405.717)	117.680.106
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	713.654.085	594.449.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(132.443)	1.524.883
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	409.115.925	713.654.085

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Đạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 1100414052 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ mười ba (13) vào ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính: Số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 là 443.753.850.000 đồng.

Ngày 09/09/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) với mã cổ phiếu HLG.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác đất; Khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng: Nhà ở, công trình giao thông, công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình thủy lợi; Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Bán buôn thực phẩm, nông/lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);
- Thoát nước và xử lý nước thải; Thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh phân bón các loại.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là thương mại và dịch vụ. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty nhận sáp nhập Công ty TNHH MTV Vận tải & Khai thác Khoáng sản Hoàng Long theo các văn bản sau: Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông ngày 14/04/2017, Nghị quyết số 02/NQ.CTY/2017 về việc thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty và Điều lệ Công ty nhận sáp nhập ngày 14/04/2017, Quyết định số 06A/QĐ-HLG ngày 26/07/2017 về việc sáp nhập Công ty và Hợp đồng sáp nhập Công ty ngày 31/08/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 1100414052-003. Địa chỉ tại: Số 281 - 283 (Lầu 3-4) An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh này đã ngưng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 01/8/2017.

Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được Thuyết minh ở mục số 13.

1.7 KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2017/T-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan đến lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 147. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	05- 08
Phương tiện vận tải	06- 10
Thiết bị văn phòng	03- 05
Tài sản cố định khác	03

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê đất tại nhà máy nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang. Chi phí này được xác định theo thời gian thuê và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian thực tế thuê là 50 năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được xác định căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu. Giá vốn của Cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ.

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.12 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

4.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch là Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - chi nhánh Đồng Tháp;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được hạch toán vào chi phí hoặc doanh thu tài chính và chênh lệch do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán mĩ lát và khô dầu đậu tương của đơn vị thuộc đối tượng không tính thuế; lãi cho vay thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng và doanh thu cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: hoạt động kinh doanh thương mại của mặt hàng mì lát và khô dầu đậu tương và các hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con và Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt của Công ty, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	9.602.536	6.599.249
Tiền gửi ngân hàng	399.513.389	707.054.836
Cộng	409.115.925	713.654.085

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	86.178.606.455	35.657.093.177
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	69.395.013.597	11.981.382.907
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Ông Nguyễn Tấn Trung	-	1.712.786.117
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	88.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.838.867.858	13.106.199.153
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	78.339.738.597	20.838.107.907
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	69.395.013.597	11.981.382.907
- Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	88.000.000	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	221.616.949	7.954.567.999
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	7.662.283.050
- Các đối tượng khác	221.616.949	292.284.949
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	7.662.283.050
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	7.662.283.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	430.326.600.057	348.866.553.801
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long (1)	429.634.600.057	347.394.600.057
- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Tấn Điền	-	779.953.744
- Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy (2)	542.000.000	542.000.000
- Mai Tiến Dũng (2)	150.000.000	150.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long (3)	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	510.176.600.057	427.936.600.057
- Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	509.634.600.057	427.394.600.057
- Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	542.000.000	542.000.000

- (1) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01/01/2017, lãi suất cho vay là 8%/năm.
- (2) Các khoản tiền cho mượn này đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 100%.
- (3) Số dư khoản cho Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long vay dài hạn tại ngày 31/12/2017 theo hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2017, lãi suất cho vay là 8%/năm, thời hạn vay đến 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	70.322.103.740	61.322.639.023
- Tiền tạm ứng	-	16.268.300
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	8.817.597.115	-
+ <i>Tiền lãi cho vay</i>	<i>10.004.532</i>	-
+ <i>Lợi nhuận</i>	<i>8.807.592.583</i>	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	60.186.683.227	59.899.853.125
+ <i>Tiền lãi cho vay</i>	<i>60.186.683.227</i>	<i>42.183.174.274</i>
+ <i>Lợi nhuận</i>	-	<i>17.716.678.851</i>
- Phải thu khác	1.317.823.398	1.406.517.598
Phải thu dài hạn khác	-	-
Phải thu khác là các bên liên quan	69.004.280.342	59.899.853.125
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	8.817.597.115	-
- Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	60.186.683.227	59.899.853.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Tấn Trung	-	-	-	1.712.786.117	1.712.786.117	-
- Công ty CP Thực Phẩm An Long	1.600.000.000	1.600.000.000	-	1.600.000.000	1.600.000.000	-
- Ông Nguyễn Nhật Linh	-	-	-	1.504.029.470	1.504.029.470	-
- Bà Mai Thị Thu	-	-	-	1.506.841.560	1.506.841.560	-
- Ông Trần Quý Lương	-	-	-	728.550.000	728.550.000	-
- Ông Đặng Hoàng Phương	-	-	-	662.904.000	662.904.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tấn Điền	-	-	-	779.953.744	779.953.744	-
- Bà Phạm Thị Nguyễn	492.610.800	492.610.800	-	-	-	-
- Bà Phạm Thị Hoàng	403.557.000	403.557.000	-	-	-	-
- Công ty TNHH VLXD Hạ Long	357.821.212	357.821.212	-	-	-	-
- Bà Phạm Thị Hà	278.439.800	278.439.800	-	-	-	-
- Các khoản khác	6.650.839.644	6.650.839.644	-	9.435.710.921	9.406.599.521	29.111.400
Cộng	9.783.268.456	9.783.268.456	-	17.930.775.812	17.901.664.412	29.111.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm bất động sản	27.208.829.741	-	26.980.611.014	-
Cộng	27.208.829.741	-	26.980.611.014	-

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2017	4.880.431.846	652.221.818	222.827.059	5.755.480.723
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(191.190.695)	(191.190.695)
Tại 31/12/2017	4.880.431.846	652.221.818	31.636.364	5.564.290.028
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2017	937.042.920	516.342.186	222.827.059	1.676.212.165
- Khấu hao trong năm	468.521.460	135.879.632	-	604.401.092
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(191.190.695)	(191.190.695)
Tại 31/12/2017	1.405.564.380	652.221.818	31.636.364	2.089.422.562
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2017	3.943.388.926	135.879.632	-	4.079.268.558
Tại 31/12/2017	3.474.867.466	-	-	3.474.867.466

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 683.858.182 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2017			Tại 01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư vào công ty con (1)	360.566.279.000	373.161.816.045	(42.734.553.840)	445.566.279.000	430.359.193.655	(62.339.625.745)
- Công Ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	30.000.000.000	30.074.567.957	-	30.000.000.000	29.681.607.383	(318.392.617)
- Công ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	100.000.000.000	155.255.522.928	-	100.000.000.000	147.132.540.400	-
- Công Ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng Sản Hoàng Long	-	-	-	85.000.000.000	63.016.404.175	(21.983.595.825)
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ Tầng Hoàng Long	160.566.279.000	127.071.645.682	(33.494.633.318)	160.566.279.000	125.497.865.742	(35.068.413.258)
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	70.000.000.000	60.760.079.478	(9.239.920.522)	70.000.000.000	65.030.775.955	(4.969.224.045)
b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	133.125.000.000	131.630.685.955	(1.494.314.045)	133.125.000.000	131.823.396.496	(1.017.635.873)
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	133.125.000.000	131.630.685.955	(1.494.314.045)	133.125.000.000	131.823.396.496	(1.017.635.873)
Cộng	493.691.279.000	504.792.502.000	(44.228.867.885)	578.691.279.000	562.182.590.151	(63.357.261.618)

(1) Khoản đầu tư vào Công ty con với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 100%. Trong năm 2017, Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần tập đoàn Hoàng Long.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty liên kết với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 30%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại 31/12/2017 VND
- Tiền thuê đất tại nhà máy nước ngầm và Cụm công nghiệp Long Cang	3.171.113.189	-	79.842.168	3.091.271.021
- Công cụ dụng cụ	-	62.336.364	3.463.130	58.873.234
Cộng	3.171.113.189	62.336.364	83.305.298	3.150.144.255

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.609.465.607	2.616.742.150
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	16.429.371.816	34.072.120.047
Cộng	19.038.837.423	36.688.862.197

PHỤ LỤC 1: PHÂN TÍCH CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TIẾP)

thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	65.882.668.559	65.882.668.559	58.677.941.999	58.677.941.999
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	-	-	18.560.962.576	18.560.962.576
- Công ty TNHH Thương Mại Thạnh Đông	16.339.356.450	16.339.356.450	10.331.690.100	10.331.690.100
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	33.674.652.960	33.674.652.960	13.057.975.930	13.057.975.930
- Chia tung Development Co., Ltd	7.445.953.764	7.445.953.764	7.459.051.308	7.459.051.308
- Công Ty TNHH MTV TM Hải Long Hoa	6.000.000.000	6.000.000.000	6.193.988.000	6.193.988.000
- Bà Lê Ngọc Ánh	489.392.835	489.392.835	1.070.392.835	1.070.392.835
- Các đối tượng khác	1.933.312.550	1.933.312.550	2.003.881.250	2.003.881.250
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan	22.815.000	22.815.000	18.670.846.776	18.670.846.776
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	22.815.000	22.815.000	109.884.200	109.884.200
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	-	-	18.560.962.576	18.560.962.576
Cộng	22.815.000	22.815.000	18.670.846.776	18.670.846.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	5.870.629.636	5.071.114.786
- Ban QLDA Công trình Ngành Nông nghiệp - Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh Đồng Tháp	3.306.069.000	3.306.069.000
- Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	764.252.000	-
- Ông Nguyễn Văn Minh	-	200.000.000
- Bà Trần Thị Cẩm	423.808.000	423.808.000
- Bà Hoàng Thị Thu Liên	-	412.950.000
- Bà Nguyễn Phượng Mỹ Linh	700.000.000	-
- Các đối tượng khác	676.500.636	728.287.786
Dài hạn	7.851.274.545	7.851.274.545
- Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.354.800.000	1.354.800.000
- Ông Vũ Văn An	612.400.000	612.400.000
- Ông Trần Lê Hiệp	456.000.000	456.000.000
- Bà Công Huyền Tôn Nữ Thị Xuân Thục	414.000.000	414.000.000
- Ông Lương Văn Minh	352.640.000	352.640.000
- Ông Nguyễn Thái Thịnh	347.400.000	347.400.000
- Bà Lê Thị My Na	351.000.000	351.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương	317.200.000	317.200.000
- Các đối tượng khác	3.645.834.545	3.645.834.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Phải nộp	2.036.139.190	474.159.633	1.687.753.185	822.545.638
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.224.914.702	174.075.288	1.398.989.990	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.213.338	-	-	204.213.338
- Thuế thu nhập cá nhân	41.671.600	203.925.239	192.604.089	52.992.750
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	55.885.173	55.885.173	-
- Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	565.339.550	36.273.933	36.273.933	565.339.550
b. Phải thu	-	-	50.133.956	50.133.956
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	50.133.956	50.133.956

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	240.774.189	386.177.226
- Chi phí lãi vay	200.774.189	346.177.226
- Chi phí phải trả khác	40.000.000	40.000.000
Dài hạn	17.231.895.670	17.231.895.670
- Trích trước chi phí công trình Long Kim 2 (*)	17.231.895.670	17.231.895.670

(*) Khu dân cư Long Kim 2 do Công ty Cổ phần Hoàng Long – Long An (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long) làm chủ đầu tư. Theo quy hoạch, khu dân cư có tổng diện tích đất 240.452 m², thuộc địa bàn thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chủ đầu tư dự án đã được giao đất theo quyết định số 4586/QĐ-UB ngày 15/11/2004 và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Long An. Theo đó, dự án đáp ứng các chỉ tiêu của đô thị loại 4, với quy mô dân số 4.500 người. Được khởi công xây dựng từ năm 2007, đến nay tại Long Kim 2 cơ sở hạ tầng kỹ thuật dự án đã hoàn thành cơ bản, chủ đầu tư đã mở bán các nền nhà cho khách hàng có nhu cầu. Tuy nhiên, còn một số hạng mục chưa được xây dựng hoặc mới hoàn thành các khu vực đã phủ dân cư. Để đảm bảo tính đủ doanh thu tương ứng giá vốn đã bán, Công ty trích thêm chi phí phải thực hiện cho các hạng mục chưa thực hiện hoặc chưa hoàn thành trên cơ sở dự toán hạng mục đã được phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	36.422.806.715	54.245.260.717
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	55.725.576	53.280.475
- Phải trả lãi vay	28.969.897.768	47.846.531.747
+ Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	3.409.779.487	6.205.890.600
+ Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng long	8.970.801.998	10.713.573.182
+ Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	51.767.484	193.832.705
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Tháp	16.537.548.799	30.733.235.260
- Phải trả khác cho Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	53.600.000	-
- CN Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Hoàng Long Mywaone	4.120.868.585	4.120.868.585
- Ông Phạm Phúc Toại	1.010.002.511	468.535.424
- Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.013.779.765	1.756.044.486
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	13.694.883.990	17.581.831.911
- Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	3.409.779.487	6.205.890.600
- Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng long	9.024.401.998	10.713.573.182
- Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	51.767.484	193.832.705
- Ông Phạm Phúc Toại	1.010.002.511	468.535.424
- Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	-
Phải trả dài hạn khác	255.000.000	255.000.000
- Nhận ký quỹ	255.000.000	255.000.000
Cộng	13.694.883.990	17.581.831.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	156.044.803.536	156.044.803.536	633.806.076.440	653.828.661.057	176.067.388.153	176.067.388.153
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (1)	-	-	4.300.000.000	18.137.704.750	13.837.704.750	13.837.704.750
- Nợ vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Đồng Tháp	27.036.131.760	27.036.131.760	27.280.510.198	244.378.438	-	-
- Công Ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long (2)	30.297.354.360	30.297.354.360	6.800.000.000	-	23.497.354.360	23.497.354.360
- Công Ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng Sản Hoàng Long (3)	-	-	-	63.214.217.792	63.214.217.792	63.214.217.792
- Công Ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long (4)	51.836.727.760	51.836.727.760	50.076.080.800	40.897.037.424	42.657.684.384	42.657.684.384
- Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong (5)	12.804.000.000	12.804.000.000	86.909.604.415	81.298.004.753	7.192.400.338	7.192.400.338
- Công Ty ĐT & PT Hạ Tầng Hoàng Long (6)	34.070.589.656	34.070.589.656	10.258.392.027	435.828.900	24.248.026.529	24.248.026.529
- Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long (7)	-	-	448.041.489.000	448.041.489.000	-	-
- Công Ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cadovimex II (8)	-	-	140.000.000	1.560.000.000	1.420.000.000	1.420.000.000
Vay dài hạn	262.078.727.400	262.078.727.400	-	28.792.982.510	290.871.709.910	290.871.709.910
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex Đồng Tháp	262.078.727.400	262.078.727.400	-	28.792.982.510	290.871.709.910	290.871.709.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/CV/0027/KHDN/16LD ngày 16/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 47.615.000.000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến thủy hải sản; sản xuất thức ăn thủy sản, bán buôn: thực phẩm, nông, lâm sản nguyên liệu và kinh doanh phân bón các loại,...
- Thời hạn vay: Không quá 9 tháng từ thời điểm nhận nợ; Lãi suất vay: ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể;
- Các tài sản đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An gồm:
 - + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số AH 066542 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 09/10/2006, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T00957;
 - + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số AH 159389 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 31/12/2008, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: T03192;
 - + Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 808032799148728 do UBND tỉnh Long An cấp ngày 07/10/2009. Hồ sơ gốc: HSG.79;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 389970 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 11/09/2015, số vào sổ cấp GCN: CT25582;
 - + Các tài sản đảm bảo khác được nêu cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm số 0138/NHNT-TDC/TD14 ngày 11/09/2014; 0020/NHNT-KHDN/BL15 ngày 18/09/2015; 0021/NHNT;KHDn/TC15 ngày 18/09/2015 và hợp đồng bảo đảm khác phát sinh trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng này.

(2) Vay Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 01/01/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

(3) Vay Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 02/01/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

(4) Vay Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương mại Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/HĐVV-2017 ngày 01/03/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay theo sự thỏa thuận của 2 bên căn cứ vào lãi suất vay của ngân hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp):

- (5) Vay Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong theo Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017-MK-TĐHL ngày 02/01/2017; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,5%.
- (6) Vay Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn số 01/10/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.
- (7) Vay Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long theo Hợp đồng vay vốn số 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 02/01/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.
- (8) Vay Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II theo Hợp đồng vay vốn số 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2017, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay này tạm thời không tính lãi.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 149/2011/HMTD/NH-PN/PGB ngày 29/03/2011 (Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 20/03/2015 từ khoản vay ngắn hạn thành khoản vay trung hạn), với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 14.370.770 USD;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh mua bán nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản, cá tra nguyên liệu chế biến xuất khẩu phân bón;
- Thời hạn trả nợ: từ quý 1/2018 đến quý 3/2023;
- Lãi suất vay: được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 289.114.859.160 đồng;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng 11.020.760 cổ phiếu HLG bao gồm 9.770.760 cổ phiếu của bà Lê Ngọc Ánh, 1.008.000 cổ phiếu của ông Phạm Hoàng Long và 242.000 cổ phiếu của bà Phạm Thị Thu Hiền có giá trị 88.166.080.000 đồng cho khoản vay tối đa là 52.899.000.000 đồng; Phần còn lại của hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản, hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	(110.785.077.775)	361.948.515.301
- Lãi trong năm	-	-	-	111.318.293.858	111.318.293.858
Tại 31/12/2016	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	533.216.083	473.266.809.159
Tại 01/01/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	533.216.083	473.266.809.159
- Lãi trong năm	-	-	-	117.655.165.801	117.655.165.801
- Chia cổ tức những năm trước	-	-	-	(2.700.000)	(2.700.000)
Tại 31/12/2017	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	118.185.681.884	590.919.274.960

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Tại 31/12/2017	Tỷ lệ	Tại 01/01/2017
	%	Giá trị VND	%	Giá trị VND
- Bà Lê Ngọc Ánh	34,74%	154.176.750.000	34,74%	154.176.750.000
- Ông Phạm Phúc Toại	25,09%	111.331.970.000	25,09%	111.331.970.000
- Ông Lê Tuấn Kiệt	6,76%	30.017.500.000	6,76%	30.017.500.000
- Cổ phiếu quỹ	0,34%	1.500.000.000	0,34%	1.500.000.000
- Các cổ đông khác	33,07%	146.727.630.000	33,07%	146.727.630.000
Cộng	100%	443.753.850.000	100%	443.753.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

c) Cổ phiếu

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44.375.385</i>	<i>44.375.385</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	150.000	150.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>150.000</i>	<i>150.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>44.225.385</i>	<i>44.225.385</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ Cổ phiếu)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	36.479.743.076	36.479.743.076

23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.484,64	3.645,72

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu kinh doanh thương mại	663.227.119.690	649.103.247.490
Doanh thu kinh doanh bất động sản	49.500.000	21.887.792.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.557.665.000	1.065.270.000
Cộng	664.834.284.690	672.056.309.854
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại mục 35 của thuyết minh BCTC)	663.307.119.690	649.183.247.490

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	786.500.000	410.400.000
Cộng	786.500.000	410.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh thương mại	588.931.689.380	543.263.237.760
Giá vốn kinh doanh bất động sản	(228.218.727)	19.752.904.333
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.597.226.084	1.347.226.084
Cộng	590.300.696.737	564.363.368.177

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.316.739	2.930.601
Lãi cho vay từ các công ty con trong tập đoàn	46.159.949	-
Lãi cho vay từ các công ty ngoài tập đoàn	38.996.547.052	29.068.345.725
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	58.505.325	902.783.068
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	683.019.432	-
Lợi nhuận từ các công ty con chuyển về	47.132.540.400	20.911.781.062
Cộng	86.919.088.897	50.885.840.456

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	15.046.741.089	19.532.976.009
Lãi vay nội bộ Tập đoàn	7.885.858.735	7.893.771.099
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.115.609	570.796.685
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	41.421.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm	-	6.350.045.437
Lỗ thanh lý công ty con (nhận sáp nhập)	21.986.580.920	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(19.128.393.733)	(15.655.739.861)
Cộng	25.797.902.620	18.733.270.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.552.396.159	3.828.623.230
Chi phí đồng dùng văn phòng	15.277.136	9.100.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	190.480.306	304.162.302
Thuế, phí và lệ phí	101.628.055	162.192.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.697.429	444.081.160
Chi phí khác bằng tiền	1.162.703.712	1.393.716.603
Chi phí không được quyết toán	41.090.980	-
Cộng	6.512.273.777	6.141.876.093
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(8.118.395.956)	(1.433.729.510)
Cộng	(1.606.122.179)	4.708.146.583

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phí đo đạc đất	71.112.727	-
Thu nhập từ tiền phạt, tiền bồi thường	87.857.501	221.051.710
Thu nhập khác	-	36.513.183
Cộng	158.970.228	257.564.893

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi phạt nợ quá hạn	1.145.862.671	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	182.313.391	1.146.383.844
Cộng	1.328.176.062	1.146.383.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135.813.971.848	132.113.657.599
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(47.091.449.420)	(20.885.083.282)
Các khoản điều chỉnh tăng	41.090.980	26.697.780
Các khoản điều chỉnh giảm	(47.132.540.400)	(20.911.781.062)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	88.722.522.428	111.228.574.317
Chuyển lỗ năm trước	(88.722.522.428)	(111.228.574.317)
Tổng lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	204.213.338	204.213.338
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HKKD	204.213.338	204.213.338
b. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HKKD bất động sản	- 508.781.273	1.724.488.031
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(508.781.273)	1.724.488.031
Chuyển lỗ năm trước	-	(1.724.488.031)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(508.781.273)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành HKKD Bất động sản	-	-

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuế TNDN phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.276.543	(8.408.726)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.642.748.231	22.528.260.498
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.650.024.774	22.519.851.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.277.136	355.712.126
Chi phí nhân công	4.496.318.201	3.828.623.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	604.401.012	886.270.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.697.429	1.294.081.160
Chi phí khác bằng tiền	1.204.929.827	150.884.415
Cộng	6.769.623.605	6.515.571.267

35. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Hạ tầng Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Công ty con
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Mê Kông	Công ty được kiểm soát bởi thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II	Công ty cùng người kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	663.307.119.690	649.183.247.490
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	-	3.088.850.600
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	658.163.619.690	646.094.396.890
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	5.063.500.000	-
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	80.000.000	-
Mua vật tư, hàng hóa	209.220.914	161.170.700
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	209.220.914	161.170.700
Lãi cho vay	39.042.707.001	29.068.345.725
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	38.996.547.052	29.068.345.725
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	46.159.949	-
Lãi đi vay	7.885.858.735	7.893.771.099
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	4.917.066.616	4.741.573.182
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	2.473.888.887	2.958.365.212
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	494.903.232	193.832.705
Cho mượn tiền, cho vay vốn	329.832.186.140	405.961.809.092
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hoàng Long	293.125.000.000	359.403.300.000
Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	28.202.175.140	13.398.959.092
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	-	399.550.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	7.460.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	8.505.011.000	-
Công ty TNHH Thương mại An Thịnh	-	25.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp):

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vay vốn	604.225.328.752	704.541.607.929
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	6.800.000.000	5.840.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	50.076.080.800	92.536.000.000
Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	86.909.604.415	71.741.181.400
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	10.258.392.027	25.748.026.529
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	140.000.000	3.320.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	448.041.489.000	504.886.400.000
Ông Phạm Phúc Toại	1.800.830.000	470.000.000
Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	-

Số dư với các bên liên quan:

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	78.339.738.597	20.838.107.907
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kim Hoàng Long	69.395.013.597	11.981.382.907
Bà Phạm Huyền Trang	8.856.725.000	8.856.725.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	88.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	7.662.283.050
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	-	7.662.283.050
Phải thu về cho vay, cho mượn ngắn hạn	430.176.600.057	347.936.600.057
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	429.634.600.057	347.394.600.057
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	69.004.280.342	59.899.853.125
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	60.186.683.227	59.899.853.125
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	8.817.597.115	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu về cho vay dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	80.000.000.000	80.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	22.815.000	18.670.846.776
Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long	22.815.000	109.884.200
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	-	18.560.962.576
Phải trả ngắn hạn khác	13.694.883.990	17.581.831.911
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	3.409.779.487	6.205.890.600
Công ty TNHH Taxi Sài Gòn Hoàng Long	9.024.401.998	10.713.573.182
Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản MeKong	51.767.484	193.832.705
Ông Phạm Phúc Toại	1.010.002.511	468.535.424
Ông Phạm Hoàng Long	198.932.510	
Vay ngắn hạn	129.008.671.776	162.229.683.403
Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	30.297.354.360	23.497.354.360
Công ty TNHH MTV Công nghệ và Thương mại Hoàng Long	51.836.727.760	42.657.684.384
Công Ty TNHH MTV Thức Ăn Thủy Sản Mekong	12.804.000.000	7.192.400.338
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Long	34.070.589.656	24.248.026.529
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	1.420.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và Khai thác Khoáng sản Hoàng Long	-	63.214.217.792

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT và BKS	3.597.057.685	1.747.932.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.115.925	713.654.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.717.441.739	79.078.067.788
Tài sản tài chính khác	510.326.600.057	428.866.553.801
Tổng cộng	657.453.157.721	508.658.275.674
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	418.123.530.936	466.939.098.063
Phải trả người bán và phải trả khác	102.560.475.274	113.178.202.716
Chi phí phải trả	17.472.669.859	17.618.072.896
Tổng cộng	538.156.676.069	597.735.373.675

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thanh khoản (tiếp)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.115.925	-	-	409.115.925
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.717.441.739	-	-	146.717.441.739
Phải thu về cho vay	430.326.600.057	80.000.000.000	-	510.326.600.057
Cộng	577.453.157.721	80.000.000.000	-	657.453.157.721
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	713.654.085	-	-	713.654.085
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.078.067.788	-	-	79.078.067.788
Phải thu về cho vay	348.866.553.801	80.000.000.000	-	428.866.553.801
Cộng	428.658.275.674	80.000.000.000	-	508.658.275.674

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Vay và nợ	156.044.803.536	262.078.727.400	-	418.123.530.936
Phải trả người bán, phải trả khác	102.305.475.274	255.000.000	-	102.560.475.274
Chi phí phải trả	240.774.189	17.231.895.670	-	17.472.669.859
Cộng	258.591.052.999	279.565.623.070	-	538.156.676.069
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ	176.067.388.153	290.871.709.910	-	466.939.098.063
Phải trả người bán, phải trả khác	112.923.202.716	255.000.000	-	113.178.202.716
Chi phí phải trả	386.177.226	17.231.895.670	-	17.618.072.896
Cộng	289.376.768.095	308.358.605.580	-	597.735.373.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thanh khoản (tiếp)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Trong năm 2017, Công ty có phát sinh sự kiện sáp nhập Công ty TNHH MTV Vận tải & Khai thác Khoáng sản Hoàng Long vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long theo các văn bản sau: Biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông ngày 14/04/2017, Nghị quyết số 02/NQ.CTY/2017 về việc thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty và Điều lệ Công ty nhận sáp nhập ngày 14/04/2017, Quyết định số 06A/QĐ-HLG ngày 26/07/2017 về việc sáp nhập Công ty và Hợp đồng sáp nhập Công ty ngày 31/08/2017.

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

40. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

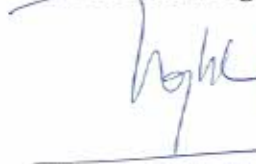
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Lê Thị Khả Hân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trúc

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quốc Đạo